

Số: /QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng 11 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 718/TTr-TNMT ngày 01/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Sangmoon Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính tại lô IV.4.4 khu công nghiệp Thuận Thành 3, xã Thanh Khương, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Công ty TNHH Sangmoon Việt Nam”, địa chỉ tại lô CN-01, khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Công ty TNHH Sangmoon Việt Nam.

Chủ dự án: Công ty TNHH Sangmoon Việt Nam

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô CN-01, khu công nghiệp Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 2301087706, do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp, đăng ký lần đầu ngày 11/4/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 24/8/2020.

1.4. Mã số thuế: 2301087706

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

- Sản xuất khung, giá đỡ, nắp đậy bằng kim loại dùng cho camera của điện thoại di động và ô tô.

- Sản xuất khung, giá đỡ, nắp đậy bằng nhựa dùng cho camera của điện thoại di động và ô tô.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại lô CN-01, khu công nghiệp Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang với tổng diện tích là 10.000m².

- Quy mô, công suất của dự án đầu tư:

+ Sản xuất khung, giá đỡ, nắp đậy bằng kim loại dùng cho camera của điện thoại di động và ô tô khoảng: 75.000.000 sản phẩm/năm.

+ Sản xuất khung, giá đỡ, nắp đậy bằng nhựa dùng cho camera của điện thoại di động và ô tô khoảng: 2.000.000 sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải vào hệ thống thu gom nước thải và đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Sangmoon Việt Nam.

1. Công ty TNHH Sangmoon Việt Nam có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Sangmoon Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Việt Yên nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Việt Yên.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành. Các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành theo quy định.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Việt Yên, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Công ty TNHH Sangmoon Việt Nam” tại lô CN-01, khu công nghiệp Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang của Công ty TNHH Sangmoon Việt Nam được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; UBND huyện Việt Yên; Công ty TNHH Sangmoon Việt Nam và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH, KTN;
 - + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - + Lưu: VT, KTN.Binh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /11/2022 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại công ty.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

- Dòng nước thải: Có 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải công suất 25 m³/ngày.đêm của dự án được xả vào hệ thống thu gom nước thải và đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thu gom nước thải tập trung của khu công nghiệp Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

2.2. Vị trí xả nước thải

- 01 vị trí tại hố ga đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Vân Trung, hố ga nằm phía cuối bên tay trái từ cổng vào, gần nhà để xe.

+ Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2350768; Y = 409906 (theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiếu 3⁰):

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 25m³/ngày.đêm, tương đương khoảng 1,04 m³/giờ (tính theo 24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý qua hệ thống xử lý nước thải công suất 25 m³/ngày.đêm được dẫn vào đường ống HDPE 200 dài 3,5m ra hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Vân Trung bằng chế độ tự chảy vào hố ga đầu nối với hệ thống thu gom của khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả nước thải liên tục 24/24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải công nghiệp - QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 40:2011/BTNMT, (cột B))
1	pH	-	5,5-9

2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50
3	COD	mg/l	150
4	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/l	100
5	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	0,5
6	Amoni (Tính theo N)	mg/l	10
7	Tổng Nitơ	mg/l	40
8	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	6
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
10	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

* Nước thải từ các nhà vệ sinh được thu gom theo đường ống PVC 110 rồi xử lý sơ bộ qua 03 bể tự hoại (01 bể tự hoại 3 ngăn với thể tích 5m³ và 02 bể tự hoại 5 ngăn với thể tích mỗi bể là 36 m³). Sau đó nước thải được thu gom bằng đường ống HDPE 200 với tổng chiều dài 245m đưa về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 25 m³/ngày.đêm để xử lý.

* Nước làm mát: Nước làm mát chỉ bị ô nhiễm nhiệt, trong quá trình tuần hoàn nước có chứa 1 phần nhỏ như dầu mỡ từ các máy móc kéo theo dòng nước, nước sẽ được giải nhiệt ở tháp tản nhiệt và tuần hoàn sử dụng lại cho quy trình tiếp theo, định kỳ hàng ngày chủ dự án sẽ bổ sung 1 lượng nước khoảng 2m³/ngày.đêm để duy trì lượng nước sau khi bị hao hụt do bay hơi. Do đó không phát sinh nước thải ra ngoài môi trường, chỉ phát sinh cạn nước làm mát thải tích tụ lâu. Định kỳ 1 tháng/lần tiến hành thu gom cạn nước làm mát thải khoảng 0,2m³/tháng về kho chứa chất thải nguy hại, sau đó xử lý cùng chất thải nguy hại.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải công suất 25 m³/ngày.đêm: Nước thải sinh hoạt → bể gom → bể điều hòa → bể thiếu khí Anoxic → bể hiếu khí Aerotank → bể lắng → bể khử trùng → bể lọc (nước thải sau xử lý đạt QCVN40:2011/BTNMT, cột B sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải và đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên.

- Công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải: 25m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaClO 1kg/ngày.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành).

- Thường xuyên bảo dưỡng và duy tu, thay thế các thiết bị hỏng hóc, đảm bảo thay thế và bảo dưỡng các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Đảm bảo quy trình vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng kỹ thuật, tuân thủ định mức hóa chất.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: Máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Dừng hoạt động hệ thống xử lý nước thải để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị máy móc của hệ thống và phải dừng hoạt động của hệ thống khắc phục sự cố trong vòng 1 ngày, thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải đi xử lý.

- Nước thải qua hệ thống xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

+ Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì tiến hành lấy mẫu tại bể chứa nước thải sau xử lý, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

+ Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra hiệu quả lắng của bể lắng.

- Tương tự đối với từng thông số sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống để xử lý.

- Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ ngày 01/3/2023 đến 01/4/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 25 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Tại đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải công suất 25 m³/ngày.đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

STT	Vị trí giám sát	Tần suất lấy mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
I	Giai đoạn vận hành ổn định			
1	01 vị trí nước thải đầu vào (tại bể gom)	Thực hiện lấy đơn 01 lần - Thời gian lấy mẫu: Ngày 01/3/2023	pH, BOD ₅ , COD, chất rắn lơ lửng,	QCVN 40:2011/ BTNMT (Cột B)
2	01 vị trí nước thải sau xử lý qua hệ thống xử lý nước thải, tại hố ga đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Vân Trung	- Tần suất lấy mẫu nước thải là lấy mẫu đơn 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tiếp - Thời gian lấy mẫu: + Lần 1: Ngày 01/3/2023 + Lần 2: Ngày 02/3/2023 + Lần 3: Ngày 03/3/2023	sunfua, Amoni, tổng dầu mỡ khoáng, tổng Photpho, tổng nitơ, Coliforms.	

2.4. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm của từng dòng thải tương ứng (theo nội dung được cấp phép tại phần A phụ lục này).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Vân Trung. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Việt Yên để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /11/2022 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: Gồm 02 nguồn phát sinh khí thải trong quá trình sản xuất, như sau

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ quá trình nung kim loại
- Nguồn số 02: Khí thải (hơi nhựa) phát sinh từ công đoạn đùn ép nhựa nóng chảy.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: 02 dòng khí thải

- 01 dòng khí thải tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ quá trình nung kim loại trước khi thải ra ngoài môi trường.
- 01 dòng khí thải tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải (hơi nhựa) phát sinh từ công đoạn đùn ép nhựa nóng chảy trước khi thải ra ngoài môi trường.

2.1. Vị trí xả khí thải: 02 vị trí tại 02 ống thoát khí sau 02 hệ thống xử lý khí thải. Tọa độ các vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiếu 3⁰):

- Vị trí số 01: Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ quá trình nung kim loại, tọa độ vị trí xả khí thải: X =2350702; Y= 409939

- Vị trí số 02: Tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn đùn ép nhựa nóng chảy, tọa độ vị trí xả khí thải: X= 2350732; Y= 409954.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Vị trí số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 8.000 m³/giờ tương đương 64.000 m³/ngày.

- Vị trí số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 11.000 m³/giờ tương đương 88.000 m³/ngày.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục trong thời gian làm việc của công ty (thời gian làm việc: 08 giờ/ngày)

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT đối với bụi, khí thải cụ thể như sau:

- Đối với khí thải phát sinh từ quá trình nung kim loại:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 19:2009/ BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ
1	SO ₂	mg/Nm ³	500	-
2	NO _x	mg/Nm ³	850	
3	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	
4	CO	mg/Nm ³	1000	

- Đối với khí thải phát sinh từ công đoạn đùn ép nhựa nóng chảy:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT	
1	SO ₂	mg/Nm ³	500	-	-
2	NO _x	mg/Nm ³	850	-	
3	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	-	
4	CO	mg/Nm ³	1000	-	
5	Benzen	mg/Nm ³	-	5	
6	Toluen	mg/Nm ³	-	750	
7	Xylen	mg/Nm ³	-	870	
8	Vinyclo rua	mg/Nm ³	-	20	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải.

* Đối với khí thải phát sinh từ quá trình nung kim loại:

Tại mỗi vị trí phát sinh sẽ bố trí 01 phễu hút kích thước từ D250 đến D1500 được đấu nối với đường ống D250 và D300 với tổng chiều dài khoảng 30m thu gom dẫn bụi, khí thải về hệ thống xử lý khí thải.

* Đối với khí thải (hơi nhựa) phát sinh từ công đoạn đùn ép nhựa nóng chảy

Khí thải phát sinh sẽ được thu gom vào đường ống D300 có chiều dài khoảng 15m rồi đầu nối vào hệ thống xử lý khí thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

* Đối với khí thải phát sinh từ quá trình nung kim loại:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ quá trình nung kim loại: Khí thải → phễu hút, đường ống → buồng cadtridge (lõi lọc) → tủ than hoạt tính → quạt hút → ống khói (Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

+ Lõi lọc cadtridge: 35 chiếc lõi.

+ Than hoạt tính 50kg/6 tháng

- Công suất thiết kế của hệ thống xử lý: 8.000 m³/giờ.

* Hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn đun ép nhựa nóng chảy

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ quá trình đun ép: Khí thải → ống dẫn khí → Quạt hút → tủ than hoạt tính → ống khói (Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT).

- Vật liệu sử dụng: Than hoạt tính 100kg/6 tháng

- Công suất thiết kế của hệ thống xử lý khí thải: 11.000 m³/giờ

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố.

* Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa

- Luôn dự trữ trong kho của dự án đầy đủ các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải, đặc biệt là các thiết bị hay hư hỏng.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống dẫn khí, quạt hút... trong hệ thống xử lý khí thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời. Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn, đồng thời dừng hoạt động tại các điểm có sự cố và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Đào tạo, nâng cao chuyên môn của nhân viên cơ điện và nhân viên phụ trách vận hành hệ thống xử lý khí thải tại dự án, hạn chế những sai sót xảy ra có thể gây ra sự cố.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Định kỳ 03 tháng/lần kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải để phát hiện hỏng hóc và sửa chữa kịp thời.

- Có nhật ký ghi chép quá trình theo dõi, giám sát vận hành, các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

* Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn tại nhà máy, đồng thời dừng hoạt động, liên hệ đơn vị thi công lắp đặt, sửa chữa bảo dưỡng chuyên môn để khắc phục và đồng thời báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ ngày 01/3/2023 đến ngày 01/4/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: 01 hệ thống xử lý bụi khí thải phát sinh từ quá trình nung kim loại; 01 hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn đùn ép nhựa nóng chảy.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại ống thoát khí của 2 hệ thống xử lý khí thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

TT	Vị trí giám sát	Tần suất lấy mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
I	Giai đoạn vận hành ổn định			
1	01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải từ quá trình nung kim loại	- Tần suất lấy mẫu: Lấy mẫu đơn 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tiếp - Thời gian lấy mẫu: + Lần 1: Ngày 01/03/2023 + Lần 2: Ngày 02/03/2023 + Lần 3: Ngày 03/03/2023	Bụi tổng, CO, NO _x , SO ₂ .	QCVN 19:2009/BTNMT
2	01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn đùn ép nhựa nóng chảy	- Tần suất lấy mẫu: Lấy mẫu đơn 01 ngày/lần trong 3 ngày liên tiếp) - Thời gian lấy mẫu: + Lần 1: Ngày 01/03/2023 + Lần 2: Ngày 02/03/2023 + Lần 3: Ngày 03/03/2023	Bụi tổng, CO, NO _x , SO ₂ , Benzen, Toluen, Xylen, Vinylclorua	QCVN 19: 2009/BTNMT và QCVN 20: 2009/BTNMT

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án, cơ sở phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Việt Yên để kịp thời xử lý.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /11/2022 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 04 nguồn phát sinh:

- + Nguồn số 01: Từ máy móc, thiết bị khu vực đúc
- + Nguồn số 02: Từ máy móc, thiết bị khu vực CNC sản phẩm kim loại.
- + Nguồn số 03: Từ máy móc, thiết bị khu vực ép nhựa.
- + Nguồn số 04: Từ máy móc, thiết bị khu vực CNC sản phẩm nhựa.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: 04 vị trí phát sinh

- Nguồn số 01: Từ máy móc, thiết bị khu vực đúc. Tọa độ vị trí phát sinh: X = 2350728; Y = 409977

- Nguồn số 02: Từ máy móc, thiết bị khu vực CNC sản phẩm kim loại. Tọa độ vị trí phát sinh: X = 2350712; Y = 409943

- Nguồn số 03: Từ máy móc, thiết bị khu vực ép nhựa. Tọa độ vị trí phát sinh: X = 2350742; Y = 409956.

- Nguồn số 04: Từ máy móc, thiết bị khu vực CNC sản phẩm nhựa. Tọa độ vị trí phát sinh: X = 2350734; Y = 409985

Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107°, múi chiều 3⁰.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung: QCVN 24:2016/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2016/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1 Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	85	85	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	1,4m/s ² (103dB)	1,4m/s ² (103dB)	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các thiết bị máy móc, thực hiện chế độ bổ sung dầu mỡ theo định kỳ.

- Sử dụng đệm chống ồn được lắp đặt tại chân của quạt và thiết bị.

- Nơi điều hành sản xuất được bố trí cách ly riêng.

- Xây dựng lịch trình sản xuất hợp lý, tăng số ca làm việc trong ngày làm giảm mật độ các loại phương tiện vận chuyển trong cùng một thời điểm.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân như: Nút tai, bao tai, mũ bảo hiểm, găng tay, kính,...

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /11/2022 của UBND tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: khoảng 23.375 kg/năm, gồm:

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
1	Dầu bôi trơn thải	Lỏng	5
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	5
3	Giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ	Rắn	50
4	Hộp mực in	Rắn	3
5	Than hoạt tính	Rắn	200
6	Đầu mẫu, vụn kim loại,.. dính dầu	Rắn	12
7	Bao bì kim loại cứng, vỏ thùng, can đựng dầu mỡ, hóa chất bằng kim loại	Rắn	200
8	Bao bì nhựa cứng, vỏ thùng, can đựng dầu mỡ, hóa chất thải bằng nhựa	Rắn	150
9	Cặn nước làm mát thải	Rắn, lỏng	2.400
10	Cát thải chứa thành phần nguy hại như dầu, kim loại	Rắn	20.280
11	Lõi lọc	Rắn	70
	Tổng	Rắn	23.375

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1	Nguyên liệu, sản phẩm lỗi hỏng bằng kim loại,... (chiếm khoảng: 1,5% tổng nguyên liệu đầu vào)	2.500

2	Váng bột từ quá trình nung kim loại, xỉ nhôm kim loại,... (chiếm khoảng 0,5% nguyên liệu đầu vào)	833
3	Bao bì, giẻ lau, găng tay thải (không nhiễm thành phần nguy hại),....	100
4	Nhựa thừa, phế phẩm, Bavaria, đầu mẫu, sản phẩm lỗi hỏng	1.666
5	Bao bì nilong, bì carton	150
		5.249

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 115kg/ngày, tương đương 2.990 kg/tháng.

Bùn từ bể phốt và trạm xử lý nước thải phát sinh khoảng 250kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 10 thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy dung tích 120 lít/thùng được dán biển cảnh báo, dán nhãn, ghi các thông tin cần thiết theo quy định.

2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại

- Diện tích kho lưu chứa chất thải nguy hại 15m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho xây dựng khép kín, tường xây gạch bao quanh, nền xi măng, mái tôn, có biển báo cảnh báo tại cửa ra vào. Nền có gờ chống tràn xây bằng gạch đặc tại cửa ra vào, rãnh và hố thu gom chất thải lỏng phòng ngừa sự cố tràn dầu, chiều cao công trình 3,7m.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 20 thùng chứa rác có nắp đậy bằng nhựa với dung tích 150lít/thùng tại các khu vực sản xuất.

2.2.2. Kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Diện tích kho chứa chất rắn công nghiệp thông thường: 21m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho xây dựng khép kín, tường bao gạch bao quanh, nền xi măng, mái tôn, có cửa ra vào, gắn biển báo cảnh báo tại cửa ra vào, chiều cao công trình 3,7m.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 20 thùng nhựa chứa rác có nắp đậy dung tích 120 lít/thùng trong khu vực văn phòng, khu vực sản xuất, nhà ăn.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho chứa chất rắn sinh hoạt: 15m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho chứa kết cấu tường xây gạch, nền bê tông, mái lợp tôn, cửa có khóa, chiều cao công trình 3,7m

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống nước thải, xử lý bụi và khí thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động nhà máy khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /11/2022 của UBND tỉnh)

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện Dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải tại Dự án để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Dự án đảm bảo đạt Cột B, QCVN 40:2011/BTNMT trước khi đầu nối về hệ thống thu gom nước thải và đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Vân Trung, đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Vận hành các hệ thống xử lý bụi, khí thải của dự án để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 718/TTr-TNMT ngày 01/11/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.